

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ A
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-4-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Bé S;

Ông Võ Thành C;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết V, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố A.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 31/03/1989.

Địa chỉ: Khóm B, phường L, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Võ Văn G, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khóm B, phường L, thành phố A, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/01/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Vào năm 2016 chị và anh Võ Văn G sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tình cảm gia đình, vợ chồng cố hàn gắn để chăm lo cho con nhưng được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về tình cảm: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn G;

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 02/9/2017, hiện con đang sống cùng anh G. Sau khi ly hôn chị đồng ý tự nguyện giao con cho anh G được tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng cho con;

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Võ Văn G có đơn xin vắng mặt nhưng có gửi ý kiến trình bày:*
Vào năm 2016 anh và chị Nguyễn Thị T sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tình cảm gia đình, vợ chồng cố hàn gắn để chăm lo cho con nhưng T không đồng ý. Nay T làm đơn yêu cầu ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

+ Về tình cảm: Anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị T.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 02/9/2017. Hiện nay con đang sống với anh, nếu ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc nên anh xin vắng mặt tại các phiên hoà giải, công khai chứng cứ và các phiên toà xét xử của Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Võ Văn G đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng anh G có đơn xin vắng mặt nên không đến theo triệu tập của Toà án, chị Nguyễn Thị T đồng ý xét xử vắng mặt anh G. Vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Võ Văn G.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn G, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh G là hôn nhân không hợp pháp vì anh, chị không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn”.

Do anh, chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng của anh, chị là hoàn toàn phù hợp.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 02/9/2017, hiện nay con đang sống với anh G, anh G yêu cầu nếu ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T cũng đồng ý tự nguyện giao con cho anh G tiếp tục nuôi, nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này. Anh G được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 02/9/2017, chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh G tự nguyện không yêu cầu. Anh G cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Chị T và anh G trình bày không có và cam kết không có ý định tẩu tán tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T và anh G trình bày không có và cam kết không có ý định né tránh nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 81 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Võ Văn G.

2/ Về con chung: Anh Võ Văn G được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 02/9/2017, chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh G tự

nguyện không yêu cầu. Anh G cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung: Chị T và anh G cam kết tài sản chung vợ chồng không có, không có ý định tẩu tán tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Chị T và anh G cam kết không có, không có ý định né tránh nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0001969 ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, chị Nguyễn Thị T không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Tâm

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Bé Sáu – Võ Thành Công

Huỳnh Thanh Tâm

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Bé Sáu – Võ Thành Công

Huỳnh Thanh Tâm